

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĐ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĐ, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhẫn

Bà Trần Thị Bích Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở UBND xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST - HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: NVT, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1989.

Nơi cư trú: thôn ĐT, xã ĐT, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: NVM và bà: NTP; vợ, con: chưa có.

Tiền án: không.

Tiền sự: 01. Ngày 03/10/2018 bị Công an huyện SL xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác số tiền 2.500.000đ. Đã nộp phạt.

Nhân thân: Năm 2011 TAND thành phố VY xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/7/2011, T đã chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích.

Năm 2012 TAND huyện SL xử phạt NVT 03 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 19/10/2015, T đã chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích.

Ngày 26/3/2012 Công an huyện BX xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2018 đến ngày 27/01/2019 trốn khỏi nơi giam. Ngày 30/01/2019 bị bắt lại, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6h00' ngày 22/12/2018, NVT một mình điều khiển xe mô tô BKS: 29U1- 06290 (mượn của anh TTA ở thôn NĐ, xã BD, huyện VT) đến khu vực ngã tư thôn HT, xã HC, huyện TĐ để chơi, khi đi T mang theo 01 ống hút bằng nhựa và 01 công thủy tinh để trong túi xách màu đen. Tại đây, T gặp một người đàn ông quen biết ngoài xã hội tên là H khoảng 40 tuổi (T không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể của H) và xin được của người này 12 túi ma túy đá, sau đó, T cho 12 túi ma túy vào trong 01 túi giấy màu đỏ có ghi dòng chữ “Đại Việt” rồi giấu vào trong hộp nhựa màu trắng để trong 01 hộp giấy màu trắng nhãn hiệu OPPO rồi để trong túi xách màu đen với mục đích để sử dụng. Đến khoảng 08h00' cùng ngày, T gặp một người bạn mới quen ngoài xã hội tên là T (T không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) rủ T đi hát Karaoke, T đồng ý đã điều khiển xe mô tô chở T đến quán Karaoke Chiều Xuân, ở thôn TC, xã HC, huyện TĐ hát. Đến nơi, T và T được anh HQT - là nhân viên quán - sắp xếp vào hát tại phòng hát số 02 và bố trí nhân viên quán hát là chị NTM và chị HNH vào phòng hát phục vụ rót bia cho T và T. Khi hát được khoảng gần 01 tiếng thì T có nhu cầu sử dụng ma túy, sẵn ma túy và đồ sử dụng ma túy mang theo trong người, T liền lấy 01 ống hút bằng nhựa và 01 công thủy tinh trong túi xách ra lắp vào vỏ chai nhựa có sẵn ở phòng hát tạo thành bộ đồ sử dụng ma túy, T tiếp tục lấy 01 túi ma túy T giấu ở trong túi giấy màu đỏ để trong vỏ hộp nhựa màu trắng ra cho một phần vào công thủy tinh để sử dụng, số còn lại Tuấn cất vào chỗ cũ, sau đó T, T cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 15 phút sau chị ĐTC - là chủ quán Karaoke Chiều Xuân - vào phòng kiểm tra phát hiện T và T1 đang sử dụng trái phép chất ma túy, chị X yêu cầu các đối tượng dừng hát karaoke và đi ra ngoài, thì T cất bộ sử dụng ma túy vào túi xách màu đen rồi cùng T1 đi ra ngoài, T đi đến quầy lễ tân để thanh toán tiền hát còn T1 điều khiển xe mô tô định đi về trước. Đúng lúc này thì lực lượng Công an huyện TĐ đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ gồm: thu trong túi xách màu đen của T, 01 vỏ hộp điện thoại nhãn hiệu OPPO bằng giấy màu trắng, bên trong có 01 hộp nhựa màu trắng, trong có 01 túi giấy màu đỏ trên túi giấy có ghi chữ nhãn hiệu “Đại Việt”, bên trong túi giấy có 12 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi nilon đều chứa chất tinh thể màu trắng dạng đá, T khai đó là ma túy đá (Methamphetamine) T mang theo để sử dụng thì bị bắt quả tang, niêm phong ký hiệu M1; 01 bộ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 chiếc công thủy tinh và 01 ống hút được gắn ở 01 vỏ chai nhựa, bên trong công thủy tinh có bám dính chất tinh thể màu trắng đã bị ố

màu, niêm phong ký hiệu M2; 01 xe mô tô BKS 29U1- 06290 và 02 ĐTDĐ các loại.

Ngày 22/12/2018, chị ĐTC đã tự nguyện giao nộp 01 đầu thu nhãn hiệu HIKVISION để điều tra làm rõ.

Tại bản kết luận giám định số 1960/KLGĐ ngày 27/12/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 1,6569g (Một phẩy sáu năm sáu chín gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine.*

Tinh thể dạng đá màu trắng xám của mẫu ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,1659g (Không phẩy một sáu năm chín gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 09/KLGĐ 01/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Trích xuất được dữ liệu lưu trên chiếc đầu ghi hình camera nhãn hiệu HIKVISION gửi giám định thời gian từ 09h30' đến 13h00' ngày 22/12/2018 (theo thời gian hiển thị trên video), trích xuất được 26 tệp tin video dạng *.mp4, có tổng dung lượng 17.605.599.232 bytes. Toàn bộ dữ liệu trên được sao lưu sang 05 đĩa DVD.*

Tại bản kết luận giám định số 123/KLGĐ ngày 17/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Chụp in được 08 ảnh nhận dạng, diễn biến hành động của đối tượng đi trên chiếc xe mô tô màu đen, cầm theo 01 túi sách màu đen, xuất hiện trên mắt camera số 06 vào lúc 09 giờ 34 phút ngày 22/12/2018 (Theo thời gian hiển thị trên video). Ảnh chụp được in và thuyết minh trong bản ảnh giám định.*

Về nguồn gốc ma túy T khai nhận: Sáng ngày 22/12/2018, T xin được của một người đàn ông tên H khoảng 40 tuổi (T quen biết ngoài xã hội nhưng không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) tại khu vực ngã tư đèn xanh đèn đỏ thuộc thôn HT, xã HC, huyện TĐ. Sau đó T mang đến quán Karaoke CX, thôn TC, xã HC, huyện TĐ để sử dụng thì bị bắt.

Đối với người thanh niên tên T ở xã HC, huyện TĐ là người đã sử dụng trái phép chất ma túy cùng T ngày 22/12/2018 tại quán Karaoke CX ở thôn TC - HC. Do T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên không có cơ sở để xác minh, xử lý.

Đối với 02 nhân viên quán Karaoke CX là NTM và HNH. Quá trình điều tra xác định khi hát Karaoke cùng T và T1 thì M và H không sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với chị ĐTC - chủ quán hát Karaoke CX, khi phát hiện T, T sử dụng ma túy trong phòng hát, chị đã yêu cầu các đối tượng dừng hát và đi ra ngoài, chị không biết T đã tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với chiếc đầu ghi hình camera nhãn hiệu HIKVISION quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của gia đình chị C nên ngày 02/01/2019, Cơ quan CSĐT- CA huyện đã trả lại cho chị C.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 29U1-06290, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên đăng ký chủ sở hữu là anh NTH ở đường ĐLT, ST, Hà Nội vào năm 2012. Năm 2015, anh H đã bán cho một người đàn ông ở thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (anh H không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) với giá 15.000.000đ. Ngày 22/12/2018, T điều khiển chiếc xe trên là do T mượn của anh TTA ở thôn NĐ, xã BD, huyện VT, chiếc xe này là xe của anh CVT ở xã KX, huyện VT gửi tại cửa hàng nhà anh A đã lâu nhưng anh Tr chưa đến lấy. Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ chưa triệu tập được anh Tr lên làm việc do vậy cần tiếp tục tạm giữ tại cơ quan điều tra để xác minh làm rõ xử lý sau.

Trong thời gian bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ để điều tra về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, NVT đã thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam. Cụ thể như sau:

Khoảng 08h00 ngày 27/01/2019, anh LVV - là cán bộ đội Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Công an huyện TĐ mở cửa buồng giam số 4 cho các bị can NVT và TXT, buồng giam số 6 cho LVC SN - là người đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ CA huyện TĐ - ra ngoài để đào hố chôn lấp rác tại khu vực đầu dốc hướng Tây Bắc trong khuôn viên Nhà tạm giữ. Sau khi được ra ngoài T, C và Tr đào hố chôn lấp rác dưới sự giám sát của cán bộ V và cán bộ LHN. Trong khi đào hố, T quan sát phát hiện ở vị trí góc tường trong khuôn viên Nhà tạm giữ - cách vị trí đào hố khoảng 10m - phía trên bờ tường có gắn hàng rào thép gai đã bị đứt tạo thành một khoảng trống - rộng khoảng 22cm dài 1,4m - có thể chui người qua được nên T đã nảy sinh ý định khi có cơ hội sẽ trèo tường bỏ trốn. Đến khoảng 10h cùng ngày, thì cán bộ V, Nam cho T, C và Tr nghỉ về buồng giam ăn cơm trưa. Khoảng 13h30' cùng ngày, cán bộ V tiếp tục mở cửa buồng giam số 4 cho một mình T ra tiếp tục đào hố chôn rác. Khi đưa T đến vụng gác của Nhà tạm giữ thì cán bộ V lấy bao thuốc lá ra để hút nhưng đã hết. Lúc này, cán bộ V nói với T *“đứng đây để tao đi mua bao thuốc”*, nói xong cán bộ V mở cửa ra vào khu vực Nhà tạm giữ rồi đi ra ngoài. Quan sát không còn người quản lý, lợi dụng sơ hở T bỏ trốn. T chạy đến vị trí góc tường đào xây bằng gạch, phía trên bờ tường có gắn hàng rào thép gai đã bị đứt, T tháo bỏ đôi dép tổ ong màu xanh ở dưới đất rồi nhảy người lên, hai tay bám vào bờ tường còn hai chân đạp vào bờ tường để lấy đà trèo lên, đến vị trí đoạn dây thép gai bị đứt, T khom người úp bụng vào bờ tường rồi cho hai chân chui qua trước rồi từ từ chui người ra ngoài, trong lúc trèo tường bỏ trốn T bị mắc áo vào hàng rào thép gai không gỡ được, T cởi bỏ áo (cởi trần) rồi tiếp tục chui ra ngoài hai tay bám vào bờ tường nhảy xuống đất. Lúc này, T đi ra khu vực cánh đồng đi lại mương nước ở gần đó rửa chân tay rồi đi bộ ra đường quốc lộ bỏ trốn. Trên đường đi T nhặt được

01 chiếc áo cộc cổ tròn màu xám mặc vào người rồi đi tiếp, T đi đến quán rửa xe ở ven đường của anh LVD ở thôn TL, xã HS, huyện TĐ, T nhờ anh D gọi hộ xe taxi để đi ra thành phố VY - T không nói cho anh D biết T bỏ trốn khỏi Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ - anh D đồng ý và gọi điện thoại cho anh NVT ở thôn SL, xã HC, huyện TĐ - là lái xe taxi - đến chở T đi. Một lúc sau anh T điều khiển xe ô tô BKS 88A-19729 đến chở T đi ra thành phố Vĩnh Yên. Trên đường đi T hỏi mượn điện thoại của anh T để gọi cho anh TTA, sinh năm 1985 ở thôn NĐ, xã BD, huyện VT - là bạn của T. T nói với anh A, T đang được tại ngoại và nói với anh A, cho T vay 2.000.000đ và bảo anh A mang đến khu vực ngã tư QT, phường HH, thành phố VY cho T mượn. Tin là thật anh A đồng ý và cầm tiền đến ngã tư QT cho T mượn. Sau khi vay được tiền, T trả cho anh T 200.000đ tiền xe taxi rồi T bắt taxi (T không nhớ BKS, hãng xe) lên thành phố VT, tỉnh Phú Thọ, sau đó T tiếp tục bắt xe khách lên tỉnh HG bỏ trốn. Đến ngày 29/01/2019, T lại bắt xe khách về Vĩnh Phúc lần trốn - T không nhớ địa điểm cụ thể. Ngày 30/01/2019, khi T đang đi lang thang ở phường KQ, thành phố VY thì bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt được T lập biên bản bắt người theo Quyết định truy nã và đưa T về trụ sở công an tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình bỏ trốn T khai không vi phạm gì.

Ngày 27/01/2019, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã thu giữ tại hiện trường: 01 đôi dép nhựa màu xanh, 01 áo cộc cổ tròn màu đen, 01 dấu vết tơ sợi ở hàng rào thép gai trên tường để điều tra làm rõ.

Đối với anh LVD là người gọi anh NVT lái xe taxi đến chở T đi ra thành phố VY. Trên đường đi anh T cho T mượn điện thoại để liên lạc với anh A bạn của T. Nhưng anh T và anh D đều không biết T là bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ bỏ trốn.

Đối với anh TTA là người cho NVT mượn số tiền 2.000.000đ, khi hỏi vay tiền của anh, T nói rồi là được tại ngoại nên muốn vay tiền để tiêu sài cá nhân. TA đồng ý và cho T vay tiền nhưng không biết T bỏ trốn khỏi nơi giam.

Đối với LVV - Cán bộ đội Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP Công an huyện TĐ được phân công nhiệm vụ quản giáo Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ ngày 29/01/2019. Quá trình trực gác Nhà tạm giữ Công an huyện, LVT đã tự ý mở buồng giam cho NVT ra khỏi buồng giam, trong khuôn viên Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ khi không có phiếu, lệnh trích xuất và để bị cáo NVT lợi dụng sơ hở bỏ trốn. Vụ việc đang được cơ quan chức năng xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số: 30/CT-VKSTĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ truy tố NVT về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ luận tội đối với bị cáo T, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau

khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo NVT phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trốn khỏi nơi giam”; áp dụng: khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 47 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Viện kiểm sát cũng đề nghị tổng hợp hình phạt và xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo NVT khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận đã tàng trữ ma túy trái phép và bị bắt quả tang vào ngày 22/12/2018 tại khu vực thôn TC, xã HC. Quá trình bị tạm giam, ngày 27/01/2019 bị cáo trốn khỏi nơi giam giữ, như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người làm chứng, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo NVT phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Trốn khỏi nơi giam*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 249 quy định: “*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán ... thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*

.....

c) ...Methamphetamine,... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Khoản 1 Điều 386 quy định: “*1. Người nào đang bị ..., tạm giam ...mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

2. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là tào bạo, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo vì không vượt qua được cám dỗ nên đã cất giữ ma túy trong người để sử dụng, gây nghiện, gây ảo giác, kéo theo các hệ lụy xấu cho chính bị cáo, cho gia đình và xã hội. Trong lúc bị tạm giam để xử lý hành vi vi phạm, bị cáo đã lợi dụng sơ hở để bỏ trốn khỏi nơi

giam giữ là nhà tạm giữ Công an huyện TĐ. Do vậy cần xét xử thật nghiêm minh trước pháp luật để cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi xem xét hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử đã cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật, đã bị xử phạt hành chính, bị kết án bằng bản án của tòa án, nên cần xử phạt bị cáo một mức án tù nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng,..... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo Tuấn thấy rằng: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Đối với người đàn ông tên H khoảng 40 tuổi – là người cho T ma túy, do T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TĐ không đề cập xử lý trong vụ án là đúng.

Đối với người thanh niên tên T ở xã HC, huyện TĐ là người đã sử dụng trái phép chất ma túy cùng T. Do T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên không có cơ sở để xác minh, xử lý trong vụ án là đúng.

Đối với 02 nhân viên quán Karaoke CX là NTM và HNH. Quá trình điều tra xác định M và H không sử dụng trái phép chất ma túy. Nên không xem xét xử lý trong vụ án là phù hợp.

Đối với chị ĐTC - chủ quán hát Karaoke CX, khi phát hiện T, T sử dụng ma túy trong phòng hát chị C đã yêu cầu các đối tượng dừng hát và đi ra ngoài, chị X không biết T đã tàng trữ trái phép chất ma túy, do vậy CQĐT không đề nghị xử lý là phù hợp.

Đối với anh LVD là người gọi anh NVT lái xe taxi đến chở T đi ra thành phố VY. Trên đường đi anh T cho T mượn điện thoại để liên lạc với anh A bạn của T. Nhưng anh T và anh D đều không biết NVT là bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ bỏ trốn nên CQĐT không đề cập xử lý đối với anh D, anh T là phù hợp.

Đối với anh TTA là người cho NVT mượn số tiền 2.000.000đ, khi cho vay tiền anh không biết T bỏ trốn khỏi nơi giam nên CQĐT không đề nghị xử lý là phù hợp.

Đối với anh LVV, sinh năm 1970 - Cán bộ đội Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP Công an huyện TĐ được phân công nhiệm vụ quản giáo Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ ngày 29/01/2019. Quá trình trực gác Nhà tạm giữ Công

an huyện, LVV đã tự ý mở buồng giam cho bị cáo NVT ra khỏi buồng giam, trong khuôn viên Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ khi không có phiếu, lệnh trích xuất và để bị cáo NVT lợi dụng sơ hở bỏ trốn. Vụ việc đang được cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao xác minh, xử lý nên không xem xét trong vụ án này.

4. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số mẫu vật ma túy được Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả lại sau giám định là $M1=1,4345g$, $M2=0,0797g$ và toàn bộ bao gói niêm phong cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc công thủy tinh và 01 ống hút được gắn ở 01 vỏ chai nhựa màu trắng là những dụng cụ ngày 22/12/2018 T dùng để sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc cặp sách màu đen; 01 vỏ hộp điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 hộp nhựa nhỏ màu trắng, 01 túi giấy màu đỏ trên túi giấy có ghi chữ nhãn hiệu “Đại Việt”. Do T đã sử dụng để giấu ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 ĐTDĐ nhãn hiệu GOLY, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Masstel tạm giữ của NVT, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của T. Ngày 22/02/2018, T không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc đầu ghi hình camera nhãn hiệu HIKVISION quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của gia đình chị Chiêu nên ngày 02/01/2019, Cơ quan CSĐT- CA huyện đã trả lại cho chị C là phù hợp.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 29U1-06290, quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp. Cơ quan CSĐT tiếp tục tạm giữ tại cơ quan điều tra để xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với 01 đôi dép tổ ong, 01 chiếc áo cộc cổ tròn màu đen là trang phục, đồ dùng cá nhân của T. Do không còn giá trị sử dụng, bị cáo T từ chối nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với túi niêm phong dấu vết tơ sợi thu được tại vị trí T thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam, do không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

5. Về án phí: Bị cáo NVT phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên bố: NVT phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trốn khỏi nơi giam”.

Xử phạt: NVT 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 02 (hai) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt, buộc T phải chấp hành 04 (bốn) năm tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22/12/2018 đến ngày 27/01/2019 – là 37 ngày. Thời gian còn lại buộc T phải chấp hành là 03 năm 10 tháng 23 ngày, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 01 năm 2019.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Bao gói niêm phong hoàn trả lại sau giám định ký hiệu M1=1,4345g, M2=0,0797g; 01 ống hút được gắn ở 01 vỏ chai nhựa màu trắng; 01 chiếc cặp sách màu đen; 01 vỏ hộp điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 hộp nhựa nhỏ màu trắng; 01 túi giấy màu đỏ trên túi giấy có ghi chữ nhãn hiệu “Đại Việt”; 01 đôi dép tổ ong và 01 chiếc áo cộc cổ tròn màu đen (niêm phong trong thùng cát tông); 01 túi niêm phong dấu vết tơ sợi.

Trả lại cho NVT: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu GOLY; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Masstel. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/5/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ và Chi cục thi hành án dân sự huyện TĐ).

Án phí: NVT phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Vĩnh Phúc;
- VKSND TĐ;
- TTG Công an Vĩnh Phúc;
- THADS TĐ;
- Công an TĐ;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND xã ĐT;
- Bị cáo T;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công